TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ–ST
Ngày: 30 - 03 - 2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Không

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N

Sinh ngày: 27 tháng 04 tháng 1998

Địa chỉ: Xóm I, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Nguyễn Văn V

Sinh ngày: 21 tháng 02 năm 1997

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Văn V sau quá trình tự do tìm hiểu đã đi đến kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 04 tháng 02 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với gia đình nội tại Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Diễm Thúy C vào ngày 01 – 01 – 2019. Tuy nhiên sau khi kết hôn được khoảng 02 năm thì Chị N và anh V bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh V thường xuyên đánh đập Chị N dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 11 năm 2020, Chị N phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống. Do bị gia đình chồng dọa dẫm, ngăn cản nên Chị N phải để con chung lại cho anh V chăm sóc.

Nay, chị Nguyễn Thị N xét thấy Chị N và anh V không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, do đó, chị yêu cầu ly hôn anh V. Đồng thời đề nghị được giao con chung là cháu Nguyễn Diễm Thúy C cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện Chị N làm công việc phục vụ tại quán ăn, thu nhập ổn đình mỗi tháng gần 5 triệu đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và khẳng định không có nợ chung với anh V.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Nguyễn Thị N đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân của chị Ng, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Diễm Thúy C, bản tự khai, bản trình bày.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn V: Bị đơn Nguyễn Văn V đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án nhưng anh V không nhận. Anh V đã có mặt tại Tòa án để trình bày nguyện vọng của mình nhưng sau đó Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng không đến, không có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai, anh V trình bày thống nhất với Chị N về việc anh và Chị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 04 tháng 02 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với gia đình nội tại Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Diễm Thúy C vào ngày 01 – 01 – 2019. Trong cuộc sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nên hiện Chị N đã về nhà

mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống. Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho Chị N ly hôn anh V, thì anh có nguyện vọng nuôi con chung. Anh V cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài bản tự khai, anh Nguyễn Văn V không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn V cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa. nguyên đơn Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện nguyện vọng đầy đủ gửi đến Tòa án. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án, gồm chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V.

[2]. Về tình cảm: Chị N và anh V kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tuy nhiên sau khi chung sống được khoảng 02 năm thì có mâu thuẫn, nguyên nhân do Chị N trình bày là do những sự khác nhau trong tính cách, bất đồng quan điểm sống ngày càng rõ dẫn đến cãi vã, anh V thường đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa Chị N và anh V ngày càng trầm trọng mà không có cách nào giải quyết do đó Chị N phải về nhà mẹ đẻ làm ăn sinh sống. Bị đơn Nguyễn Văn V đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thông báo hợp lệ nhiều lần, biết được nội dung yêu cầu của Chị N. Tại biên bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, anh V trình bày vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng chỉ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên sau khi tự khai tại Tòa án anh V đã thông báo hợp lệ đến phiên công khai chứng cứ và hoài giải nhưng anh V không có mặt hoặc gửi văn bản thể hiện anh có nguyện vọng nói chuyện, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế cho thấy, vợ chồng anh V, Chị N nay đã không sống chung, Chị N kiên quyết ly hôn anh V, còn anh V không có thiện chị níu kéo hôn nhân, để mặc Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa Chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho Chị N ly hôn với anh V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Hiện nay con chung của Chị N và anh V là cháu Nguyễn Diễm Thúy C đang do anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả anh V và Chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét

thấy nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Cả hai vợ chồng đều làm công việc tự do, có sức khỏe để chăm sóc con cái, tuy nhiên xét thấy cháu Chi sinh ngày 01 – 01 – 2019, hiện còn rất nhỏ, hơn nữa là cháu gái do đó Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu cho Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Diễm Thúy C cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên HĐXX miễn xét

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Chị N và anh V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 , 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn anh Nguyễn Văn V. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V;

- Giao cháu Nguyễn Diễm Thúy C – sinh ngày: 01 tháng 01 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Anh Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị N và các thành viên trong gia đình Chị N không được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005665 ngày 08 tháng 12 năm 2020. Tiền án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Chi Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Chị N;
- Bị đơn: Anh V;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
-- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng